

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2026

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG**

Căn cứ:

- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 (Quốc Hội, ngày 26 tháng 11 năm 2019), được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm ("**Luật Chứng Khoán**");
- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 (Quốc Hội, ngày 17 tháng 6 năm 2020), được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP (Chính Phủ, ngày 31 tháng 12 năm 2020) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm ("**Nghị Định 155**");
- Nghị Định số 245/2025/NĐ-CP (Chính Phủ, ngày 11 tháng 09 năm 2025) quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ("**Nghị Định 245**");
- Thông Tư số 116/2020/TT-BTC (Bộ Tài Chính, ngày 31 tháng 12 năm 2020) hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị Định 155;
- Điều Lệ của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động ("**Công Ty**") ngày 18 tháng 04 năm 2026 ("**Điều Lệ**"); và
- Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**DHĐCD**") của Công Ty số 01/NQ/DHĐCD/MWG-2026 ngày 18 tháng 04 năm 2026, thông qua, ngoài những vấn đề khác, các nội dung của quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị ("**HĐQT**") Công Ty ("**Quy Chế**").

HĐQT Công Ty ban hành Quy Chế bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1 Phạm vi điều chỉnh: Quy Chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- 1.2 Đối tượng áp dụng: Quy Chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

- 2.1 HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công Ty.
- 2.2 HĐQT giao trách nhiệm cho tổng giám đốc của Công Ty (“**Tổng Giám Đốc**”) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 3.1 Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng Khoán, pháp luật liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty.
- 3.2 Thành viên HĐQT có trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Chứng Khoán, pháp luật liên quan, theo Điều Lệ và các nghĩa vụ sau:
 - 3.2.1 Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;
 - 3.2.2 Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - 3.2.3 Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết của Công Ty và các tổ chức khác;
 - 3.2.4 Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, công ty con của Công Ty, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty khác trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp của công ty khác đó trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; và
 - 3.2.5 Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.
- 3.3 Thành viên HĐQT độc lập của Công Ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 4.1 Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Cán bộ Quản lý khác theo quy định của Điều Lệ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.
- 4.2 Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều Lệ quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 5.1 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều [24] của Điều Lệ và Điều [20] của Quy chế quản trị nội bộ của Công Ty (“**Quy Chế Quản Trị Nội Bộ**”).
- 5.2 Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác.
- 5.3 Điều Lệ quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 6.1 Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Điều Lệ và Quy Chế Quản Trị Nội Bộ, thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - 6.1.1 Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh Nghiệp;
 - 6.1.2 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác; và
 - 6.1.3 Thành viên HĐQT của Công Ty chỉ được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng thành viên tại tối đa 05 (năm) công ty khác.
- 6.2 Thành viên HĐQT độc lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - 6.2.1 Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - 6.2.2 Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - 6.2.3 Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công Ty; là người quản lý của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty;
 - 6.2.4 Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;
 - 6.2.5 Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT của Công Ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ; và
 - 6.2.6 Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều Lệ và Quy Chế Quản Trị Nội Bộ.

- 6.3 Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 6.2 Quy Chế này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Tùy theo quyết định của HĐQT, thành viên độc lập HĐQT đó sẽ không tham gia các hoạt động của Công Ty với tư cách thành viên HĐQT. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- 7.1 Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
- 7.2 Chủ tịch HĐQT Công Ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc của Công Ty.
- 7.3 Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ và các quyền, nghĩa vụ sau đây:
- 7.3.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - 7.3.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - 7.3.3 Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - 7.3.4 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - 7.3.5 Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - 7.3.6 Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết/quyết định của HĐQT;
 - 7.3.7 Kiến nghị HĐQT về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc. Thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám Đốc;
 - 7.3.8 Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám Đốc trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, Điều Lệ, Quy Chế Quản Trị Nội Bộ, và/hoặc các quy chế khác được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT ban hành để hạn chế những tổn thất cho Công Ty và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến HĐQT để HĐQT có quyết định chính thức về việc đình chỉ quyết định liên quan của Tổng Giám Đốc hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ của Chủ tịch HĐQT trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó; và
 - 7.3.9 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
- 7.4 Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc ngày Chủ tịch HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

- 7.5 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
- 7.6 Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 7.6.1 Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
- 7.6.2 Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- 7.6.3 Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
- 7.6.4 Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; và
- 7.6.5 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 8.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp quy định tại Điều [24] của Điều Lệ.
- 8.2 Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại Điều 8.1 Quy Chế này.
- 8.3 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- 8.3.1 Số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều Lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
- 8.3.2 Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán; và
- 8.3.3 Trừ trường hợp quy định tại Điều 8.3.1 và Điều 8.3.2 Quy Chế này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 9.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
- 9.1.1 Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước ít nhất 10 (mười) ngày trước khi khai mạc ĐHĐCĐ; và
- 9.1.2 Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.1 Quy Chế này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.
- 9.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ, Quy Chế Quản Trị Nội Bộ và Quy Chế này. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
- 9.3 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ.
- 9.4 Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
- 9.5 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 10.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
- 10.1.1 Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- 10.1.2 Trình độ học vấn, chuyên môn;
- 10.1.3 Quá trình công tác;
- 10.1.4 Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh hội đồng quản trị, hội đồng thành viên của công ty khác);

- 10.1.5 Các lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;
- 10.1.6 Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên (nếu có);
- 10.1.7 Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ; và
- 10.1.8 Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công Ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
- 10.2 Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

- 11.1 HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 11.2 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều Lệ và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều [25] của Điều Lệ.
- 11.3 HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
- 11.4 Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- 12.1 HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính năm hợp nhất gần nhất được kiểm toán hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều Lệ giữa Công Ty với một trong các đối tượng sau:
- 12.1.1 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và những người có liên quan của họ;

12.1.2 Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; và

12.1.3 Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Điều 19.1 Quy Chế này.

12.2 Người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều Lệ quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

13.1 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và tại Điều [13] của Điều Lệ. Trình tự, thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

13.2 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

13.2.1 Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật;

13.2.2 Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

13.2.3 Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

13.2.4 Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

13.2.5 Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;

13.2.6 Xác định thời gian và địa điểm họp;

13.2.7 Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh Nghiệp; và

13.2.8 Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội Đồng Quản Trị

14.1 HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc theo quy định tại Điều [27] của Điều Lệ và các Điều [35-39] của Quy Chế Quản Trị Nội Bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT lập phải (i) tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài và (ii) một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

- 14.2 Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ và Quy Chế Quản Trị Nội Bộ.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị

- 15.1 Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 15.2 HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
- 15.3 Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp quy định tại Điều [27] của Điều Lệ.
- 15.4 Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp HĐQT được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều [27] của Điều Lệ và các Điều [28-34] của Quy Chế Quản Trị Nội Bộ.

Điều 16. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị

- 16.1 Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, tuân thủ theo quy định tại Điều [33] của Quy chế Quản trị Nội bộ và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- 16.1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 16.1.2 Thời gian, địa điểm họp;
- 16.1.3 Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- 16.1.4 Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- 16.1.5 Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- 16.1.6 Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- 16.1.7 Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 16.1.8 Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
- 16.1.9 Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 16.2 Quy Chế này.

- 16.2 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và pháp luật có liên quan.
- 16.3 Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
- 16.4 Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 16.5 Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

- 17.1 Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
- 17.1.1 Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
 - 17.1.2 Báo cáo tài chính; và
 - 17.1.3 Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty.
- 17.2 Báo cáo quy định tại Điều 17.1 Quy Chế này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều Lệ không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 18.1 Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc theo quy định tại Điều [25] của Điều Lệ. Thù lao của thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 18.2 Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 18.3 Các khoản chi phí khác liên quan đến thành viên HĐQT như chi phí đi lại, ăn, ở mà thành viên HĐQT đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT và các khoản khác

chi trả cho thành viên HĐQT do Điều Lệ và ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo Điều Lệ và các quy định sau đây:

- 19.1 Thành viên HĐQT của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - 19.1.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; và
 - 19.1.2 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.
- 19.2 Việc kê khai quy định tại Điều 19.1 Quy Chế này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 19.3 Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 20.1 Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 20.2 Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy Chế này.
- 20.3 Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng Giám Đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Môi quan hệ với Ủy Ban Kiểm Toán

- 22.1 Mối quan hệ giữa HĐQT và ủy ban kiểm toán của Công Ty (“**Ủy Ban Kiểm Toán**”) là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ủy Ban Kiểm Toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 22.2 Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy Ban Kiểm Toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Hiệu lực thi hành

- 23.1 Quy Chế Hoạt Động của HĐQT Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động bao gồm 07 (bảy) chương, 23 (hai mươi ba) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 04 năm 2026.
- 23.2 Trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến HĐQT mà chưa được quy định trong Quy Chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy Chế này hoặc có các văn bản pháp luật mới thay thế cho các văn bản pháp luật được tham chiếu trong Quy Chế này thì phải tuân thủ các quy định liên quan được nêu tại các quy định pháp luật đó.
- 23.3 Việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Quy Chế này sẽ thực hiện theo quyết định của ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ĐỨC TÀI